HUNG VIET AUXSOL solis HUAWEI SUNGROW EASYWAY DYNESS JA SOLAR AIKO SUNKEAN LEADER

CƠ HỘI TRỞ THÀNH
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN MẶT TRỜI
CỦA HÙNG VIỆT

0979.038.943
hungvietgt.com
Số 16 TT4, KĐT Xuân Phương Tasco, P.Xuân Phương, Hà Nội.

Catalouge

AUXSOL BÁM TẢI

ASN-5SL-Plus

Model: ASN-5SL-Plus
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-10SL

Model: ASN-10SL
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (32A/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-6SL-Plus

Model: ASN-6SL-Plus
Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm

ASN-10TL-G2

Model: ASN-10TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 2MPPT (20/20A), PV Max input
150%, 1P66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-20TL

Model: ASN-20TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-40TL

Model: ASN-40TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A/40A/20A/20A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-25TL-G2

Model: ASN-25TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-50TL-G2

Model: ASN-50TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A*4), PV Max input 150%, IP66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-30TL-G2

Model: ASN-30TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 3MPPT (40A/32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-75TL-G2

Model: ASN-75TL-G2
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 5MPPT (5*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-99TL

Model: ASN-99TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 10MPPT (10*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI,AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-110TL

Model: ASN-110TL-PLUS
ASN-110TL-PLUS
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick, Meter
8MPPT(8*40A), PV Max Input 150%, IP66, AFCI
Bảo hành 10 năm

AUXSOL HYBRID

ASG-6SL-ZL

Model: ASG-6SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất PV chuyển đổi:9Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-8SL-ZL

Model: ASG-8SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:16Kw
|Công suất PV chuyển đổi:12Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-10SL-ZL

Model: ASG-10SL-ZL
Số MPPT: 2mppt
Số string:4
Max PV input:20Kw
Công suất PV chuyển đổi:15Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-15TL-ZL

Model: ASG-15TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 22,5KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

ASG-10TL-ZL

Model: ASG-10TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 15KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

ASG-15TL-ZH

Model: ASG-15TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 22.5KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 10 năm

ASG-12TL-ZL

Model: ASG-12TL-ZL
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 18KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

ASG-20TL-ZH

Model: ASG-20TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 30KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 10 năm

SOLIS BÁM TẢI

S6-GR1P3K-M

Model: S6-GR1P3K-M
|Số MPPT: 1mppt |Số string:1
|Max PV input:4,5Kw
|Công suất hòa lưới:3Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P5K-S

Model: S6-GR1P5K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P6K-S

Model: S6-GR1P6K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:9Kw
|Công suất hòa lưới:6Kw
Bảo hành 5 năm

S6 GR1P8K2

Model: S6 GR1P8K2
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất hòa lưới:8Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR1P10K

Model: S5-GR1P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P5K

Model: S5-GR3P5K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P10K

Model: S5-GR3P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P15K

Model: S5-GR3P15K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:22,5Kw
|Công suất hòa lưới:15Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P20K

Model: S5-GR3P20K
|Số MPPT: 2mppt
|Số string:4 |Max PV input:30Kw
|Công suất hòa lưới:20Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC25K

Model: S5-GC25K
|Số MPPT: 3mppt
|Số string:6 |Max PV input:37,5Kw
|Công suất hòa lưới:25Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC30K

Model: S5-GC30K
|Số MPPT: 3mppt |Số string:6
|Max PV input:45Kw
|Công suất hòa lưới:30Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC40K

Model: S5-GC40K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:60Kw
|Công suất hòa lưới:40Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC50K

Model: S5-GC50K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:75Kw
|Công suất hòa lưới:50Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC60K

Model: S5-GC60K
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:90Kw
|Công suất hòa lưới:60Kw
Bảo hành 5 năm

80K-5G-PRO

Model: Solis-80K-5G-PRO
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:104Kw
|Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC80K

Model: S5-GC80K
Số MPPT: 9mppt
Số string: 18
Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

3P100KW-5G PRO

Model: 3P100KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:130Kw
|Công suất hòa lưới:100Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC110K

Model: S5-GC110K
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC125K

Model: S6-GC125K
|Số MPPT: 10mppt |Số string:20
|Max PV input:187,5Kw
|Công suất hòa lưới:125Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC3P150K07-NV-ND

Model: S6-GC3P150K07-NV-ND
|Số MPPT: 7mppt |Số string:21
|Max PV input:225Kw
|Công suất hòa lưới:150Kw
Bảo hành 5 năm

SOLIS HYBRID

S6-EH1P5K-L-PLUS

Model: S6-EH1P5K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 10KW
Max PV chuyển đổi: 8KW
Công suất hòa lưới: 5KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P6K-L-PLUS

Model: S6-EH1P6K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9.6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P8K-L-PLUS

Model: S6-EH1P8K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P10K-L-PLUS

Model: S6-EH1P10K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P12K03-NV-YD-L

Model: S6-EH1P12K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19.2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P14K03-NV-YD-L

Model: S6-EH1P14K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 28KW
Max PV chuyển đổi: 22,4KW
Công suất hòa lưới: 14KW
Công suất backup: 14KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P16K03-NV-YD-L

Model: S6-EH1P16K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 32KW
Max PV chuyển đổi: 25,6KW
Công suất hòa lưới: 16KW
Công suất backup: 16KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P18K03-NV-YD-L

Model: S6-EH1P18K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 36KW
Max PV chuyển đổi: 28.8KW
Công suất hòa lưới: 18KW
Công suất backup: 18KW
Bảo hành 5 năm

S6-EL 1P5K-48

Model: S6-EL 1P5K-48
1MPPT, 2 String
Max PV input: 6,5 KW
Max PV chuyển đổi: 6,5 KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 2 năm

S6-EH3P8K02-NV-YD-L

Model: S6-EH3P8K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K02-NV-YD-L

Model: S6-EH3P10K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P12K02-NV-YD-L

Model: S6-EH3P12K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19,2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K02-NV-YD-L

Model: S6-EH3P15K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P18K02-NV-YD-L

Model: S6-EH3P18K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 36KW
Max PV chuyển đổi: 28.8KW
Công suất hòa lưới: 18KW
Công suất backup: 18KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K2-H

Model: S6-EH3P10K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K-H

Model: S6-EH3P15K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P20K-H

Model: S6-EH3P20K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 32KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P30K-H

Model: S6-EH3P30K-H
3MPPT, 6 String
Max PV input: 60KW
Max PV chuyển đổi: 48KW
Công suất hòa lưới: 30KW
Công suất backup: 30KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P40K-H

Model: S6-EH3P40K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 80KW
Max PV chuyển đổi: 64KW
Công suất hòa lưới: 40KW
Công suất backup: 40KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P50K-H

Model: S6-EH3P50K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 100KW
Max PV chuyển đổi: 96KW
Công suất hòa lưới: 50KW
Công suất backup: 50KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P80K10-NV-YD-H

Model: S6-EH3P80K10-NV-YD-H
10MPPT, 20 String
Max PV input: 160KW
Max PV chuyển đổi: 80KW
Công suất hòa lưới: 80KW
Công suất backup: 80kWW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H

Model: S6-EH3P99.9K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 200KW
Max PV chuyển đổi: 160KW
Công suất hòa lưới: 100KW
Công suất backup: 100kWW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P125K10-NV-YD-H

Model: S6-EH3P125K10-NV-YD-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 240KW
Max PV chuyển đổi: 200KW
Công suất hòa lưới: 125KW
Công suất backup: 125KW
Bảo hành 5 năm

HUAWEI HYBRID VÀ PHỤ KIỆN

SUN2000-5KTL-LB0

Model: SUN2000-5KTL-LB0
Max DC power: 7.500(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40–560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 6,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0
Max DC power: 9,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40–560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 6,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0
Max DC power: 15,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40–560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 3
Max. Number of strings: 3
Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-LC0

Model: SUN2000-8K-LC0
Max DC power: 12,000(Wp)
Max DC Voltage: 600 (Vdc)
MPPT voltage range: 40–560 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)
Number of MPP tracker: 3
Max. Number of strings: 3
Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-MAP0

Model: SUN2000-8K-MAP0
Max DC power: 14,600(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

UN2000-10K-MAP0

Model: SUN2000-10K-MAP0
Max DC power: 18,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-12K-MAP0

Model: SUN2000-12K-MAP0
Max DC power: 22,000(Wp)
Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
Number of MPP tracker: 2
Max. Number of strings: 1
Max Charger: 12,000W
Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0

SmartGuard-63A-T0
Điện áp định mức: 415VAC
Dòng tối đa từ lưới: 63A
Dòng tối đa từ Inverter: 60A
Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
Dòng tối đa cho tải thường: 63A

SUN2000-8K-LC0

SmartGuard-63A-S0
Điện áp định mức: 240VAC
Dòng tối đa từ lưới: 63A
Dòng tối đa từ Inverter: 60A
Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
Dòng tối đa cho tải thường: 63A

Thiết bị giám sát SDongleA-05

Model: Thiết bị giám sát SDongleA-05
SDongleA-05
Bộ kết nối hệ thống giám sát Fusion Solar

SmartPS-100A-S0

SmartPS-100A-S0
Tổ đấu dây: 1P2W
Điện áp: 176-288VAC
Dải đo: 0-100A
Kết nối Modbus-RTU
Kèm cảm biến dòng 100A/40mA

SmartPS-250A-T0

SmartPS-250A-T0
Tổ đấu dây: 3P4W / 3P3W
Điện áp: 176-288VAC
Dải đo: 0-250A
Kết nối Modbus-RTU
Kèm cảm biến dòng 250A /50mA

SmartLogger3000A00GL

Hỗ trợ tính năng Zero Export
Quản lý tối đa 80 bộ biến tần
Điều khiển công suất tác dụng và công suất phản kháng
Không có kết nối 4G

SmartLogger3000A01EU

Hỗ trợ tính năng Zero Export
Quản lý tối đa 80 bộ biến tần
Điều khiển công suất tác dụng và công suất phản kháng
Tích hợp kết nối 4G để truyền dữ liệu linh hoạt.

HUAWEI BÁM TẢI

SUN2000-30KTL-M3

Model: SUN2000-30KTL-M3
- Max DC power: 45,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 4
- Max. Number of strings: 8

SUN2000-50KTL-M3

Model: SUN2000-50KTL-M3
- Max DC power: 75,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 4
- Max. Number of strings: 8

SUN2000-40KTL-M3

Model: SUN2000-40KTL-M3
- Max DC power: 60,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 4
- Max. Number of strings: 8

SUN2000-100KTL-M2 (AFCI)

Model: SUN2000-100KTL-M2 (AFCI)
- Max DC power: 150,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 10
- Max. Number of strings: 20

SUN2000-115KTL-M2

Model: SUN2000-115KTL-M2
- Max DC power: 172,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 10
- Max. Number of strings: 20

SUN2000-150K-MG0

Model: SUN2000-150K-MG0
- Max DC power: 225,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 200 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600(Vdc)
- Number of MPP tracker: 7
- Max. Number of strings: 21

MG5RL

Model: MG5RL
Công suất AC định mức: 5kW (1 pha)
Công suất DC đầu vào tối đa: 8kWp
MPPT: 5 MPPT,
Công suất sạc tối đa: 5kW
Công suất xả tối đa: 5kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm

MG6RL

Model: MG6RL
Công suất AC định mức: 6kW (1 pha)
Công suất DC đầu vào tối đa: 9.6kWp
Công suất backup: 6kVA
Công suất sạc tối đa: 6kW
Công suất xả tối đa: 6kW
Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
Khối lượng: 18 kg
Bảo hành: 5 năm

PIN LITHIUM EASYWAY

Easyway 5200

Model No: Easyway 5200
Dung lượng: 5,22kwh, DOD 90%
Điện áp: 51.2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 50A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 41kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pac
Bảo hành 10 năm

UNIV-LV ST7600

Model: UNIV-LV ST7600
Dung lượng: 7,68 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 75A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 62kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10kWhS

Model: UNIV-10kWh S
Dung lượng: 10,24 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 100A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 94kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh (I)

Model: UNIV-16 kWh I
Dung lượng: 16 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh WP

Model: UNIV-16 kWh WP
Dung lượng: 16,08 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10 kWh HV

Model: UNIV-10 kWh HV
Dung lượng: 10 kwh
Điện áp định mức: 384V
Dòng điện định mức 16A, DOD 90%
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 88kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 15 KWH

Model: Pin Lithium 15kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST15k
153.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 23 KWH

Model: Pin Lithium 23kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST23k
230.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 31 KWH

Model: Pin Lithium 31kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST31k
307.2V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 38 KWH

Model: Pin Lithium 38kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST38k
384V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 46kWh

Model: Pin Lithium 46kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST46k
460.8V100Ah
bảo hành 10 năm

Pin Lithium 54kWh

Model: Pin Lithium 54kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST54k
537.6V100Ah

Pin Lithium 62kWh

Model: Pin Lithium 62kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST62k
614.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

Easyway UNIV-16kWh(H) - 16.08kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 1 PACK 16,08 Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 32.15kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 2 PACK 32.15Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 48.23kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 3 PACK 48.23Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 64.31kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 4 PACK 64.31Kwh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 80.38KWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 5P ACK 80.38kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 96.46kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 6 PACK 96.46kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 112.54kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 7 PACK 112.54kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

Easyway UNIV-16kWh(H) - 128.61kWh

Model: Easyway UNIV-16kWh(H) 16,08kWh
1 BDU & BASE, 8 PACK 128.61kWh
IP 20
Bảo hành 10 năm, 8000 vòng sạc xả

TỦ ĐIỆN LƯU TRỮ 100KWH

Model: ESS 100kWh
Dung lượng pin: 100 kWh
Điện áp hệ pin: 358 V, dải 313–403 V.
Sạc/xả tối đa: 55 kW – 140 A.
Chu kỳ: ≥ 8000, bảo hành 10 năm pin.
Kích thước 750×2200×1100 mm,
nặng 1120 kg, IP65.

TỦ PIN LƯU TRỮ 261KWH

Model: ESS 261kWh
Dung lượng pin: 261 kWh
Điện áp danh định: 832
Công suấ định mức: 314 Ah
Chu kỳ: ≥ 8000, bảo hành 10 năm pin.
Kích thước 1055×2300×1300 mm,
nặng 2770 kg, IP54.

DYNESS DL5.0C

Model: DL5.0C
Dung lượng: 5kwh, Điện áp: 51.2V
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 50A (75A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485/ RS232
IP20 trọng lượng 50kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 50 pack
Bảo hành 7 năm

DYNESS POWER BRICK

Model: Power Brick
Dung lượng: 14.336kWh
Điện áp: 51.2V - 280 Ah
Dòng xạc/ xả liên tục (max) 140A (200A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 114kg
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T7

Model: Tower T7
1 BDU & BASE, 2 PACK HV9637
Dung lượng: 7.1kwh
DOD 95%. Điện áp: 192V
Công suất xạc xả liên tục 4.26kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 105kg
Cell LFP >6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T17

Model: Tower T17
1 BDU & BASE, 5 PACK HV9637
Dung lượng: 17.76 kwh
DOD 95%, Điện áp: 480V
Công suất xạc xả liên tục 10.65kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T10

Model: Tower T10
1 BDU & BASE, 3 PACK HV9637
Dung lượng: 10.66 kwh
DOD 95%. Điện áp: 288V
Công suất xạc xả liên tục 6.39kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 146kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T21

Model: Tower T21
1 BDU & BASE, 6 PACK HV9637
Dung lượng: 21.31 kwh
DOD 95%, Điện áp: 576V
Công suất xạc xả liên tục 12.78kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 228kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T14

Model: Tower T14
1 BDU & BASE,4 PACK HV9637
Dung lượng: 14.33 kwh
DOD 95%, Điện áp: 384V
Công suất xạc xả liên tục 8.52kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

STACK100

Tailored for light C&I ESS indoor needs

Dyness Stack100 15,36 Kwh

Model: Dyness Stack100 15,36 Kwh
1 BDU & BASE, 3 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 15,36 kwh
DOD 95%, Điện áp: 153,6 V
Công suất xạc xả liên tục 7,68kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 25,6 Kwh

Model: Dyness Stack100 25,6 Kwh
1 BDU & BASE, 5 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 25,6 kwh
DOD 95%, Điện áp: 256 V
Công suất xạc xả liên tục 12,8 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 20,48 Kwh

Model: Dyness Stack100 20,48 Kwh
1 BDU & BASE, 4 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 20,48 kwh
DOD 95%, Điện áp: 204,8 V
Công suất xạc xả liên tục 10,24kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 30,72 Kwh

Model: Dyness Stack100 30,72 Kwh
1 BDU & BASE, 6 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 30,72 kwh
DOD 95%, Điện áp: 307,2 V
Công suất xạc xả liên tục 15,36 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 35,84 Kwh

Model: Dyness Stack100 35,84 Kwh
1 BDU & BASE, 7 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 35,84 kwh
DOD 95%, Điện áp: 358,4 V
Công suất xạc xả liên tục 17,92 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 51,2 Kwh

Model: Dyness Stack100 51,2 Kwh
1 BDU & BASE, 10 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất xạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 40,96 Kwh

Model: Dyness Stack100 40,96 Kwh
1 BDU & BASE, 8 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 40,96 kwh
DOD 95%, Điện áp: 409,6 V
Công suất xạc xả liên tục 20,48 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 56 Kwh

Model: Dyness Stack100 56 Kwh
1 BDU & BASE, 11 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất xạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 46,08 Kwh

Model: Dyness Stack100 46,08 Kwh
1 BDU & BASE, 9 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 46,08 kwh
DOD 95%, Điện áp: 460,8 V
Công suất xạc xả liên tục 23,04 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 61 Kwh

Model: Dyness Stack100 61 Kwh
1 BDU & BASE, 12 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất xạc xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

PIN LITHIUM HUAWEI

LUNA2000-7-S1

Model: LUNA2000-7-S1
Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)- Dung lượng: 6.9kWh
- Kích thước: 590x255x510mm
- Trọng lượng: 80kg
- Công suất xả tối đa: 3,5kW
- Giao thức: RS485/FE/CAN
Bảo hành 10 năm

LUNA2000-21-S1

Model: LUNA2000-21-S1
- Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)
- Dung lượng: 20,7kWh
- Kích thước: 590x255x1230 mm
- Trọng lượng: 216 kg
- Công suất xả tối đa: 10,5kW
- Giao thức: RS485/FE/CAN
Bảo hành 10 năm

LUNA2000-14-S1

Model: LUNA2000-14-S1
Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)- Dung lượng: 13,8kWh
- Kích thước: 590x255x870 mm
- Trọng lượng: 148 kg
- Công suất xả tối đa: 7kW
- Giao thức: RS485/FE/CAN
Bảo hành 10 năm

TẤM PIN JA

JA SOLAR 620w

JA 620 W hai mặt kính hiệu suất 23,0%

JA SOLAR 625w

JA 625 W hai mặt kính hiệu suất 23,1%

JA SOLAR 635w

JA 635 W hai mặt kính hiệu suất 22,7%

JA SOLAR 640w

JA 640 W hai mặt kính hiệu suất 22,9%

TẤM PIN AIKO

AIKO SOLAR 650w

Model: AIKO SOLAR 650w
công suất 650Wp/tấm, hiệu suất 24,1%

AIKO SOLAR 655w

Model: AIKO SOLAR 655w
công suất 655Wp/tấm, hiệu suất 24,6%

Wood Mackenzie Grade A | TIER 1 BloombergNEF | SMM TIER1 GLOBAL TIER 1 AWARD

Deutsche
Qualität
Garantiert

HUNG VIET

TẤM PIN AE SOLAR

AE SOLAR 630w

Model: AE SOLAR 630w
công suất 630Wp/tấm, hiệu suất 23.34%

AE SOLAR 730w

Model: AE SOLAR 730w
công suất 730Wp/tấm, hiệu suất 23.53%

CÁP SUNKEAN

CÁP SUNKEAN 4MM

Model: CÁP SUNKEAN 4mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 5.50
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 5.09
Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 10MM

Model: CÁP SUNKEAN 10mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 7.20
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 1.95
Bảo hành 10 năm

CAP SUNKEAN 6MM

Model: CÁP SUNKEAN 6mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 6.10
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 3.39
Bảo hành 10 năm

CÁP LEADER

CÁP LEADER 4MM

Model: CÁP SUNKEAN 4mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 5.50
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 5.09
Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 10MM

Model: CÁP SUNKEAN 6mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 7.20
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 1.95
Bảo hành 5 năm

CAP LEADER 6MM

Model: CÁP SUNKEAN 6mm2
Độ dày cách điện (mm) - 0.70
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80
Đường kính cáp (mm) - 6.10
Điện trở dẫn điện tối đa(Ω/km,20°C - 3.39
Bảo hành 5 năm

HUNG VIET

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ XANH HÙNG VIỆT

Trụ sở: Số 16 TT4, Đường Foresa 4, KĐT Xuân Phương Tasco, Phường Xuân-Phương, Hà Nội.

Hotline: 0934 358 636 / 0902 105 759

Website: hungvietgt.com

Fanpage: fb.com/hungviettech